| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 86/2019/HS-ST
Ngày: 27-8-2019

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Tài.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông: Nguyễn Văn Minh;

Bà: Lê Thị Cẩm Tú.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa***: Huỳnh Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HS, ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

- Đặng Minh S , sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện C, TP H; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã P, huyện C, TP H; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T và bà Lê Thị Tuyết M; Vợ; Nguyễn Tuyết N, đã ly hôn;

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Tại bản án số 190/2014/HSST ngày 15/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử Đặng Minh S 02 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo S chấp hành xong bản án ngày 27/4/2016 (đã được đương nhiên xóa án tích).

Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo Đặng Minh S đang chấp hành bản án số 66/2019/HS-ST ngày 03/5/2019, theo Quyết định thi hành phạt tù số 111/2019/QĐ-TA ngày 06/6/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tại Trại tạm giam Bố Lá. Bị cáo có mặt;

*Bị hại:*
Ông Lê Quang T, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L, (xin vắng mặt).

*Người liên quan:* Ông Nguyễn Liêu Duy Nhật, sinh năm 1987, địa chỉ 180/28 CMT 8, P 11, Q 3, TP H.

*Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1990.
2. Ông Trương Thế B, sinh năm 1984.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23/11/2018, bị cáo Đặng Minh S đón xe buýt đi từ huyện C,Thành phố H đến khu vực ngã ba MH, xã Xã M, huyện Đ, tỉnh L và thuê phòng trọ của nhà nghỉ không biển hiệu, tại đây để sử dụng chất ma túy. Khoảng 20 giờ cùng ngày. Bị cáo S nhờ người bạn tên T không rỏ nhân thân lai lịch sử dụng xe mô tô không rõ biển số đến chở bị cáo S về huyện C, TP H T đồng ý. Do lúc này bị cáo S không có tiền tiêu xài nên nói với T là nhờ T chở bị cáo đến khu vực xã Đ, huyện Đ, tỉnh L tìm nhà người quen mượn tiền nhưng mục đích của bị cáo S là đi tìm tài sản của người khác để sơ hở để trộm cắp, T không biết bị cáo có ý định tìm tài sản của người khác để lấy trộm. Khi T chở bị cáo S đi ngang cửa hàng điện thoại di động hiệu KT thuộc ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L thì bị cáo S nói với T cho bị cáo xuống xe và kêu T quay về nhà, T đồng ý, bị cáo S quan sát xung quanh nhìn thấy trước cửa hàng điện thoại di động KT có dựng 01 xe mô tô biển số 59F2-073.52 của ông Lê Quang T, đuôi xe mô tô quay ra lộ nhựa, đầu xe quay vào trong cửa hàng, trên xe có gắn sẵn chìa khóa công tắc điện, bị cáo S đi vào bên trong cửa hàng KT để hỏi bán chiếc điện thoại của bị cáo S nhưng chủ cửa hàng không mua do điện thoại đã củ, bị cáo S bỏ về. Lúc này, ông T vẫn còn bên trong cửa hàng nghe có tiếng máy xe mô tô nổ nên nhìn ra phía trước cửa hàng thì phát hiện bị cáo S đang điều khiển xe mô tô biển số 59F2-073.52 bỏ chạy được một đoạn khoảng 04 mét. Ông T truy hô và đuổi theo bị cáo S và dùng chân đạp vào đuôi xe mô tô biển số 59F2-073.52 làm bị cáo S té ngã xuống đường, bị cáo S bỏ lại xe mô tô biển số 59F2-073.52 tại hiện trường và chạy bộ thoát thân. Sau đó, đến ngày 11/12/2018 bị cáo S đầu thú tại Công an huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh về hành vi trước đó đã thực hiện tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh và bị cáo S khai nhận về hành vi trộm cắp xe mô tô của ông T tại huyện Đức Hòa. Nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa tiến hành làm việc, khởi tố bị cáo S về hành vi trộm cắp xe mô tô của ông T và quá trình làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa, bị cáo S thành khẩn khai báo hành vi phạm tội và Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ: 01 xe mô tô biển số 59F2-073.52 để điều tra xử lý.

Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 59F2-073.52 ông Lê Quang T mua vào năm 2012 và nhờ ông Nguyễn Liêu Duy N, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú số 180/28, đường CMTT, phường 11, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên đăng ký chủ quyền, sau đó ông T sử dụng xe mô tô này đến ngày 23/11/2018 thị bị cáo S trộm cắp chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27/KL.ĐGTS ngày 18/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đức Hòa kết luận: 01 xe mô tô biển số 59F2-073.52 bị cáo S trộm cắp của ông Lê Quang T có giá trị thành tiền là 7.450.000 đồng.

Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 59F2-073.52 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Hòa đã trả lại cho ông Lê Quang T theo biên bản trao trả tài sản ngày 01 tháng 4 năm 2019.

Về tang vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang tạm giữ 01 túi xách vải Jean màu xanh trắng, trên nắp túi xách có chữ "Như Ý New Fashion"

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông T sau khi nhận lại xe mô tô biển số: 59F2-073.52 bị mất trộm không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo S thành khẩn khai báo hành vi phạm tội. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự khác hiện bị cáo S không cung cấp nên không đề cập.

Tại bản cáo trạng số 91/CT-VKSĐH ngày 09/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Đặng Minh S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Đặng Minh S gây ra; Đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Đặng Minh S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 phạt bị cáo Đặng Minh S từ 12 tháng cho đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự bị hại ông Lê Quang T không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xem xét đến.

Bị cáo hoàn T nhìn nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố, không đưa ra chứng cứ nào để minh oan, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đánh giá về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi. Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên Tòa, vắng mặt bị hại là ông Lê Quang T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan như Nguyễn Liêu Duy N và các nhân chứng như Trần Thị Tuyết L và Lương Thế B, được Tòa án triệu tập để tham gia phiên Tòa, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, bị hại ông T và người liên quan ông Nh và các nhân chứng bà L, ông B có đơn xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử:

[3.1]. Hành vi khách quan của bị cáo S đã thực hiện. Tại phiên tòa, bị cáo bị cáo Đặng Minh S thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 23/11/2018, tại cửa hàng điện thoại di động hiệu KT bị cáo Đặng Minh S đã thực hiện hành vi trộm cắp của ông Lê Quang T một xe mô tô biển số 59F2-073.52 có giá trị thành tiền là 7.450.000 đồng. Khi bị cáo S thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô bỏ chạy khoảng 04 mét thì bị ông T phát hiện, truy đuổi và dùng chân đạp vào đuôi làm xe ngã cùng bị cáo S , sau đó bị cáo S bỏ xe lại hiện trường và chạy bộ thoát thân. Qua tố cáo của ông T, Cơ quan điều tra làm việc với bị cáo S , bị cáo S thành khẩn khai báo hành vi phạm tội.

Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Minh S tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại ông Lê Quang T, phù hợp lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bảng ảnh hiện trường, biên bản xác định địa điểm, bản ảnh xác định địa điểm, biên bản nhận dạng và biên bản trích xuất camera, biên bản xác định chứng cứ, biên bản về việc định giá tài sản số 27 ngày 18/3/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đức Hòa và các tang vật chứng thu giữ đã được thẩm tra xác minh công khai tại phiên Tòa, phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

[3.2]. Hội đồng xét xử đánh giá: Có căn cứ xác định bị cáo Đặng Minh S có hành vi lén lút chiếm đoạt hoàn thành tài sản của bị hại ông Lê Quang T. Tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị là 7.450.000 đồng.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Đặng Minh S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản mà bị cáo Đặng Minh S gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác - quyền này được pháp luật Hình sự bảo vệ, nếu người nào cố tình xâm hại thì sẽ bị pháp luật trừng phạt. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm hại trực tiếp đến tài sản của ông Lê Quang T mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi trái pháp luật của bị cáo cần xử lý nghiêm theo pháp luật Hình sự, cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục - răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét theo đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Đặng Minh S là hoàn toàn phù hợp.

[4]. Đánh giá về tình tiết định khung, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ:

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của bị cáo Đặng Minh S lén lút trộm 01 xe mô tô biển số 59F2-073.52, trị giá 7.450.000 đồng thuộc tình tiết định khung theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Minh S không có tình tiết tăng nặng.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đặng Minh S , thành khẩn khai báo, có ý thức ăn năn đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[6]. Về tang vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59F2-073.52, Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa trả lại cho ông Lê Quang T xong nên không đề cập, xem xét đến.

- Đối với 01 túi xách vải Jean màu xanh – trắng, trên nắp túi xách có chữ "Như Ý New Fashion" là tài sản hợp pháp của Sơn không liên quan đến vụ án. Tại tòa, bị cáo S không nhận lại túi xách vải, xét thấy túi xách vải của bị cáo S không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy**.**

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

ông T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt xong và không yêu cầu bị cáo S bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét đến.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo Đặng Minh S phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đặng Minh S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Đặng Minh S 01 (Một) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án bị cáo Đặng Minh S phải chịu là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2018.

Về tang vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy 01 túi xách vải Jean màu xanh – trắng, trên nắp túi xách có chữ "Như Ý New Fashion".

Tang vật hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 106-12/8/2019, ngày 12 tháng 8 năm 2019.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Minh S  nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Án này là sơ thẩm bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Long An;*
- *VKSND huyện Đức Hòa;*
- *Thi hánh án huyện;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ, án văn;*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Tài**